

Bản án số: 166/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 - 2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Hoàng Văn Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị O, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp K, xã TP, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Châu Minh N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp K, xã TP, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Tạm trú: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Châu Minh N tự nguyện chung sống với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện T. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vào tháng 02/2020 bà đã có đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án và bà đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ và được Tòa án đình chỉ vụ án. Sau khi rút đơn thì bà và ông N vẫn

không chung sống với nhau được mà mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Nay bà O xác định không còn tình cảm với ông N, không thể tiếp tục chung sống với ông N được nữa, nên bà O yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên Châu Lê Minh T sinh ngày 07/7/2012 và Châu Lê Tiến P sinh ngày 03/12/2016, hiện tại các cháu do bà O đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà O yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và đồng ý giao cháu P cho ông N nuôi dưỡng, không yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà O xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà O xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Châu Minh N trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà O tự nguyện chung sống với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện T là đúng, về mâu thuẫn giữa vợ chồng là có nhưng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn và ông cũng không muốn hai con của ông không có cha và ông rất thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà O mà yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên Châu Lê Minh T sinh ngày 07/7/2012 và Châu Lê Tiến P sinh ngày 03/12/2016, hiện tại các cháu do bà O và ông cùng đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn ông N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Châu Lê Tiến P, vấn đề cấp dưỡng cho con không đặt ra.

Về tài sản chung: Ông N xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà O với ông N tự nguyện chung sống với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị O với ông Châu Minh N được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà O xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vào tháng 02/2020 bà O đã có đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án và bà đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ và được Tòa án đình chỉ vụ án. Sau khi rút đơn thì bà và ông N vẫn không

chung sống với nhau được mà mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Bà O xác định không còn tình cảm với ông N, không thể tiếp tục chung sống với ông N được nữa, nên bà O vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N; đối với ông Châu Minh N yêu cầu được đoàn tụ vì ông còn thương yêu vợ và để cùng nhau chăm sóc con nên ông N không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà O. Từ những ý kiến trình bày của đương sự cho thấy mâu thuẫn giữa bà O và ông N ngày càng gay gắt, hôn nhân không hạnh phúc được, bởi vì vào tháng 02/2020 Tòa án đã đình chỉ vụ án hôn nhân và gia đình sau khi bà O rút đơn khởi kiện nhưng bà O và ông N vẫn không đoàn tụ được. Từ đó, cho thấy hôn nhân của bà O và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà O cho bà O được ly hôn với ông N là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên Châu Lê Minh T sinh ngày 07/7/2012 và Châu Lê Tiến P sinh ngày 03/12/2016, hiện tại các cháu do bà O và ông N cùng đang nuôi dưỡng. Tại phiên tòa bà O và ông N thỏa thuận bà O nuôi dưỡng cháu T, ông N nuôi dưỡng cháu P. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của bà O và ông N là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu T cho bà O được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T; giao cháu P cho ông N nuôi dưỡng là phù hợp; đối với việc cấp dưỡng nuôi con bà O và ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Bà O và ông N xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ: Bà O và ông N xác định không có nợ ai và không ai nợ lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị O phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O. Cho bà Lê Thị O được ly hôn với ông Châu Minh N.

2. Về con chung: Giao cháu Châu Lê Minh T sinh ngày 07/7/2012 cho bà O được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi; giao cháu Châu Lê Tiến P sinh ngày 03/12/2016 cho ông N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phước tròn 18 tuổi; vấn đề cấp dưỡng cho con không đặt ra. Bà O, ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà O đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai số 0011140 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được chuyển thu; bà O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà O, ông N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TP, Huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tiêu Hồng Phụng